

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ CAI LẬY
TỈNH TIỀN GIANG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 09/2019/DSST

Ngày: 25/3/2019

V/v tranh chấp: “Hợp đồng vay tài sản
và hợp đồng cầm cố tài sản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ CAI LẬY - TỈNH TIỀN GIANG**

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Trương Vĩnh Hữu.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Lý Thị Bé Năm.

Ông Cao Châu Tiếp.

Thư ký ghi biên bản phiên toà: Ông Bùi Công Danh, thư ký Tòa án.

Ngày các ngày 20 và 25 tháng 3 năm 2019, tại trụ sở Toà án nhân dân thị xã Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự đã thụ lý số: 39/2019/TLDS-ST ngày 22/01/2019 về việc tranh chấp “*Hợp đồng vay tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 17/2019/QĐXX-ST ngày 27/02/2019 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Nguyễn Thị Vân L, sinh năm 1970 (có mặt);

Địa chỉ: Khu phố M, phường N, thị xã P, tỉnh Tiền Giang.

2. Bị đơn: Đoàn Văn N, sinh năm 1973 (có mặt);

Địa chỉ: Ấp M, xã N, thị xã P, tỉnh Tiền Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn Nguyễn Thị Vân L trình bày: Bà Nguyễn Thị Vân L và ông Đoàn Văn N là chỗ quen biết, ông N cần một số tiền để làm ăn nên ông N có gặp bà L vay tiền. Do vậy bà L có cho ông N vay số tiền, cụ thể như sau:

Vào ngày 13/7/2017, bà L có cho ông N vay số tiền 10.000.000 đồng (mười triệu đồng), lãi suất vay 0%. Số tiền này ông N vay và hứa với bà 30 ngày sẽ trả;

Vào ngày 13/4/2018, bà L có cho ông N vay số tiền 30.000.000 đồng (ba mươi triệu đồng), lãi suất vay thỏa thuận 4%/tháng. Kể từ lúc ông N nhận tiền vay, ông N chưa trả lãi cho bà L;

Khi ông N nhận đủ số tiền của 30.000.000 đồng, ông N có gửi cho bà 01 chiếc xe mô tô đặc điểm như sau: hiệu SHARK, số máy VVBA-D020320; số khung 12D020320; biển số 63B9-004.19 do ông Đoàn Văn N đứng tên quyền sở hữu, để làm tin.

Bà L đã nhiều lần nhắc nhở và yêu cầu ông N trả số tiền vay 40.000.000 đồng nhưng ông N vẫn không trả.

Bà Nguyễn Thị Vân L yêu cầu buộc ông Đoàn Văn N phải có trách nhiệm trả cho bà tổng số tiền là 46.750.000 (bốn mươi sáu triệu bảy trăm năm mươi nghìn) đồng, trả một lần khi án có hiệu lực pháp luật. Trong đó cụ thể như sau:

Tiền vốn 40.000.000 (bốn mươi triệu) đồng;

Tiền lãi phần 30.000.000 đồng: lãi suất tính từ ngày 13/4/2018 đến ngày 13/01/2019 là $30.000.000 \text{ đồng} \times 1,5\% \times 9 \text{ tháng} = 4.050.000 \text{ đồng}$;

Tiền lãi phần 10.000.000 đồng: lãi suất tính từ ngày 13/7/2017 đến ngày 13/01/2019 là $10.000.000 \text{ đồng} \times 1,5\% \times 18 \text{ tháng} = 2.700.000 \text{ đồng}$.

Bị đơn Đoàn Văn N trình bày: Ông Đoàn Văn N là chỗ quen biết với bà Nguyễn Thị Vân L, ngày 13/7/2017, ông N có gặp bà L vay tiền với số tiền 30.000.000 đồng, nhưng nhận hai lần tiền một lần 20.000.000 đồng và một lần 10.000.000 đồng đều có viết biên nhận nhưng bà L đã thu lại toàn bộ hai biên nhận này và lập một biên nhận mới với tổng số tiền 30.000.000 đồng, thỏa thuận lãi suất 4%/tháng. Ông N đã đóng tiền lãi cho bà L được 08 lần, mỗi lần 1.200.000 đồng, tổng cộng 9.600.000 đồng khi trả tiền bà L đều có ký nhận nhưng toàn bộ ký nhận này do bà L giữ.

Ông N cầm cố cho bà L 01 chiếc xe mô tô đặc điểm như sau: hiệu SHARK, số máy VVBA-D020320; số khung 12D020320; biển số 63B9-004.19 do ông Đoàn Văn N đứng tên quyền sở hữu.

Số tiền nợ 30.000.000 đồng ông N không đồng ý trả, vì ông N cho rằng đây là hợp đồng cầm cố nên ông không có khả năng trả thì cần trừ qua chiếc xe cầm cố là đủ số tiền ông đã vay của bà L.

Theo lời trình bày của bà L vào ngày 13/7/2017, bà L có cho ông N vay số tiền 10.000.000 đồng (mười triệu đồng), lãi suất vay 0%, số tiền này ông N vay và hứa với bà L 30 ngày sẽ trả là không có căn cứ vì đây là biên nhận trong tổng số tiền vay 30.000.000 đồng mà bà L đã đưa hai lần tiền là 10.000.000 đồng và 20.000.000 đồng;

Ngoài ra với yêu cầu này của bà L cũng là không có căn cứ, bởi vì không có lý do gì ông N chưa trả 30.000.000 đồng thì làm sao bà L lại tiếp tục cho vay thêm 10.000.000 đồng và ngược lại.

Ông N không đồng ý trả 10.000.000 đồng và không đồng ý trả lãi.

Tại phiên tòa sơ thẩm, bà Nguyễn Thị Vân L có bổ sung, thay đổi yêu cầu khởi kiện: Ông N có nghĩa vụ trả số tiền vay 40.000.000 đồng và tiền lãi phát sinh tính đến ngày xét xử sơ thẩm, riêng đối với số tiền vay 10.000.000 đồng thì tiền lãi tính từ ngày 14/8/2017 âm lịch với lãi suất 1,5%/tháng. Thời hạn trả tiền một lần khi án có hiệu lực pháp luật.

Tại phiên tòa, ông N không đồng ý theo yêu cầu của bà Nguyễn Thị Vân L.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Căn cứ vào yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Vân L thì vụ án thuộc quan hệ pháp luật tranh chấp “*Hợp đồng vay tài sản*” và “*Hợp đồng cầm cố tài sản*” được quy định tại Điều 463 và Điều 309 Bộ luật Dân Sự;

Tại phiên tòa, nguyên đơn Nguyễn Thị Vân L thay đổi, bổ sung một phần yêu cầu khởi kiện việc thay đổi, bổ sung yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn không vượt quá yêu cầu khởi kiện ban đầu nên Hội đồng xét xử chấp nhận việc thay đổi, bổ sung này;

Các đương sự không yêu cầu xem xét về thời hạn, thời hiệu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét;

Xét yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Vân L thì ông Đoàn Văn N có nghĩa vụ trả cho bà Nguyễn Thị Vân L số tiền vay là 40.000.000 đồng và bà L đồng ý trả lại chiếc xe mà ông N đã cầm cố, Hội đồng xét xử xét thấy:

Căn cứ vào lời trình bày và chứng cứ do bà Nguyễn Thị Vân L cung cấp thì vào ngày 13/7/2017 âm lịch (dương lịch là ngày 03/9/2017), bà L có cho ông N vay số tiền 10.000.000 đồng, không lãi suất, thời hạn trả là 30 ngày và hai bên có lập biên nhận;

Vào ngày 13/4/2018 âm lịch (dương lịch là ngày 27/5/2018), bà L tiếp tục cho ông N vay số tiền 30.000.000 đồng, lãi suất 4%/tháng và hai bên có lập biên nhận. Khi ông N nhận đủ số tiền của 30.000.000 đồng, ông N có cầm cố cho bà L 01 chiếc xe mô tô đặc điểm như sau: hiệu SHARK, số máy VVBA-D020320; số khung 12D020320; biển số 63B9-004.19 do ông Đoàn Văn N đứng tên quyền sở hữu;

Đến hạn trả tiền bà L đã nhiều lần nhắc nhở và yêu cầu ông N trả số tiền vay 40.000.000 đồng nhưng ông N không trả.

Tại phiên tòa, ông N thừa nhận chữ ký trong hai biên nhận ngày 13/7/2017 âm lịch và ngày 13/4/2018 âm lịch là chữ ký của ông N nhưng ông N cho rằng:

Ông Đoàn Văn N là chỗ quen biết với bà Nguyễn Thị Vân L, ngày 13/7/2017 âm lịch, ông N có gặp bà L vay tiền với số tiền 30.000.000 đồng, nhưng nhận hai lần tiền: một lần 20.000.000 đồng và một lần 10.000.000 đồng đều có viết biên nhận nhưng bà L đã thu lại toàn bộ hai biên nhận này và lập một biên nhận mới với tổng số tiền 30.000.000 đồng, thỏa thuận lãi suất 4%/tháng. Ông N có cầm cố cho bà L 01 chiếc xe mô tô đặc điểm như sau: hiệu SHARK, số máy VVBA-D020320; số khung 12D020320; biển số 63B9-004.19 do ông Đoàn Văn N đứng tên quyền sở hữu;

Số tiền nợ 30.000.000 đồng ông N không đồng trả, vì ông N cho rằng đây là hợp đồng cầm cố nên ông không có khả năng trả thì cản trừ qua chiếc xe cầm cố là đủ số tiền ông đã vay của bà L;

Theo lời trình bày của bà L vào ngày 13/7/2017 âm lịch, bà L có cho ông N vay số tiền 10.000.000 đồng, không lãi suất, số tiền này ông N vay và hứa với bà L 30 ngày sẽ trả là không có căn cứ vì đây là biên nhận trong tổng số tiền vay 30.000.000 đồng mà bà L đã đưa hai lần tiền là 10.000.000 đồng và 20.000.000 đồng;

Ngoài ra với yêu cầu này của bà L cũng là không có căn cứ, bởi vì không có lý do gì ông N chưa trả 30.000.000 đồng thì làm sao bà L lại tiếp tục cho vay thêm 10.000.000 đồng và ngược lại. Ông N không đồng ý trả 10.000.000 đồng và tiền lãi.

Căn cứ vào biên nhận ngày 13/7/2017 âm lịch và ngày 13/4/2018 âm lịch do bà Nguyễn Thị Vân L cung cấp và biên nhận ngày 13/4/2018 âm lịch do ông Đoàn Văn N cung cấp.

Từ những căn cứ nêu trên, Hội đồng xét xử nhận thấy:

Chứng cứ và lời trình bày của bà L là có căn cứ, bởi vì ông N thừa nhận chữ ký trong hai biên nhận ngày 13/7/2017 âm lịch, ngày 13/4/2018 âm lịch là chữ ký của ông N và ông N cũng không có căn cứ gì để chứng minh là đã trả số tiền vay 40.000.000 đồng cho bà L. Tại phiên tòa, bà L cũng không thừa nhận đến thời điểm hiện tại bà L chưa nhận bất cứ số tiền vốn từ ông N;

Do đó có đủ cơ sở xác định ông Đoàn Văn N có vay của bà Nguyễn Thị Vân L hai lần tiền vào các ngày 13/7/2017 âm lịch với số tiền 10.000.000 đồng và ngày 13/4/2018 âm lịch với số tiền 30.000.000 đồng và ông N chưa thực hiện nghĩa vụ trả tiền vay cho bà L nên cần buộc ông Đoàn Văn N có nghĩa vụ trả cho bà L số tiền vay 40.000.000 đồng.

Ngày 13/4/2018 âm lịch bà Nguyễn Thị Vân L có cầm cố 01 chiếc xe hiệu SHARK, số máy VVBA-D020320; số khung 12D020320; biển số 63B9-004.19 do ông Đoàn Văn N đứng tên quyền sở hữu, hiện tại bà L đang giữ chiếc xe trên. Tại phiên tòa, bà L đồng ý trả lại chiếc xe hiệu SHARK, số máy VVBA-D020320; số khung 12D020320; biển số 63B9-004.19 do ông Đoàn Văn N đứng tên quyền sở hữu sau khi ông N thực hiện xong nghĩa vụ trả tiền. Xét thấy yêu cầu này của bà L là có cơ sở nên chấp nhận.

Xét yêu cầu của bà Nguyễn Thị Vân L về việc ông Đoàn Văn N có nghĩa vụ trả lãi vay tính đến ngày xét xử sơ thẩm, thời gian trả tiền làm một lần khi án có hiệu lực pháp luật, Hội đồng xét xử nhận thấy:

Căn cứ biên nhận ngày 13/7/2017 âm lịch, bà L có cho ông N vay số tiền 10.000.000 đồng, không lãi suất, thời hạn trả là 30 ngày;

Như vậy ông N đã vi phạm thực hiện nghĩa vụ trả tiền đến hết ngày 13/8/2017 âm lịch, trong khi bà L yêu cầu tính lãi từ ngày 13/7/2017 là không có lợi cho ông N nên cần xác định thời gian tính lãi cho phù hợp và tại phiên tòa bà L đồng ý xác định thời gian tính lãi từ ngày 14/8/2017 âm lịch cho đến ngày 25/3/2019;

Căn cứ biên nhận ngày 13/4/2018 âm lịch, bà L có cho ông N vay số tiền 30.000.000 đồng, lãi suất 4%/tháng là cao so với quy định của pháp luật;

Tuy nhiên tại phiên tòa, bà L yêu cầu tính lãi với lãi suất 1,5%/tháng là có lợi cho ông N. Vì thế Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu tính lãi của bà L và ông N có nghĩa vụ trả lãi cho bà L như sau:

Đối với số tiền 10.000.000 đồng thì thời gian tính lãi từ ngày 14/8/2017 âm lịch (dương lịch là ngày 03/10/2017) đến ngày xét xử sơ thẩm là ngày 25/3/2019 là 17 tháng 22 ngày thành tiền là 2.660.000 đồng;

Đối với số tiền 30.000.000 đồng thì thời gian tính lãi từ ngày 13/4/2018 âm lịch (dương lịch là ngày 27/5/2018) đến ngày xét xử sơ thẩm là ngày 25/3/2019 là 09 tháng 28 ngày thành tiền là 4.470.000 đồng;

Tổng cộng là 7.130.000 đồng.

Về thời gian trả tiền mà bà L yêu cầu, Hội đồng xét xử nhận thấy: Để đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của bà Nguyễn Thị Vân L về thời gian trả tiền là có cơ sở, bởi vì: Ông Đoàn Văn N đã vi phạm nghĩa vụ trả tiền cho bà L nên đã xâm phạm đến quyền lợi của bà L. Do đó, chấp nhận yêu cầu của bà L cần buộc ông Đoàn Văn N có nghĩa vụ trả số tiền vay 40.000.000 đồng và tiền lãi 7.130.000 đồng, thời gian trả một lần khi án có hiệu lực pháp luật.

Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông Đoàn Văn N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định. Bà Nguyễn Thị Vân L không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm nên hoàn lại bà L án phí theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các điều 463, 465, 466, 309, 311, 312, 313, 316, 357, 468, 688 Bộ luật Dân sự;

Căn cứ các điều 92, 147, 220, 227, 244 Bộ luật Tố tụng Dân Sự;

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ Luật thi hành án Dân Sự.

Xử: 1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Vân L.

Buộc ông Đoàn Văn N có nghĩa vụ trả cho bà Nguyễn Thị Vân L số tiền 40.000.000 đồng (bốn mươi triệu đồng) và tiền lãi 7.130.000 đồng (bảy triệu, một trăm ba mươi ngàn đồng), tổng cộng là 47.130.000 đồng (bốn mươi bảy triệu, một trăm ba mươi ngàn đồng);

Thời gian thực hiện trả tiền một lần khi án có hiệu lực pháp luật;

Kể từ ngày bà Nguyễn Thị Vân L có đơn yêu cầu thi hành án, nếu ông Đoàn Văn N chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền thì hàng tháng còn phải trả lãi theo mức lãi suất được quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân Sự tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

Bà Nguyễn Thị Vân L có nghĩa vụ trả lại cho ông Đoàn Văn N 01 chiếc xe mô tô đặc điểm như sau: hiệu SHARK, số máy VVBA-D020320; số khung 12D020320; biển số 63B9-004.19 do ông Đoàn Văn N đứng tên quyền sở hữu sau khi ông Đoàn Văn N thực hiện xong nghĩa vụ cho bà L.

2. Về án phí: Ông Đoàn Văn N phải chịu 2.356.500 đồng (hai triệu, ba trăm năm mươi sáu ngàn, năm trăm đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Bà Nguyễn Thị Vân L không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm nên hoàn lại án phí cho bà L số tiền tạm ứng án phí mà bà L đã nộp 1.168.000 đồng (một triệu, một trăm sáu mươi tám ngàn đồng) theo biên lai thu số 0002096 ngày 18/01/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang.

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, các đương sự được quyền kháng cáo đến Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang để yêu cầu xét xử phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thực hiện theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Án tuyên vào lúc 14 giờ 00 phút ngày 25/3/2019, có mặt bà L, vắng mặt ông N.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tiền Giang;
 - VKSND thị xã Cai lậy;
 - Chi cục THADS thị xã Cai Lậy;
 - Các đương sự;
- Lưu: HS, AV.

Trương Vĩnh Hữu